

VỀ TÀU ĐIỀU TRA HẢI DƯƠNG Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM TỚI

GSTS. Nguyễn Ngọc Thụy
Nguyên giám đốc Trung tâm KTTV biển

I. Trong lịch sử nước ta đã từng có những con tàu điều tra biển. Tuy nhiên, cho đến nay số lượng tàu chuyên điều tra chỉ có rất ít, chủ yếu với trọng tải nhỏ và vừa (dưới 600 tấn). Ngành Khí tượng Thủy văn đã bắt đầu xây dựng công tác điều tra khí tượng hải dương từ những năm 60 và đã có nhiều đợt khảo sát biển hỗn hợp với nước ngoài, kể cả ở qui mô lớn (với tàu 1000tấn, 4000tấn) song chưa bao giờ có tàu chuyên điều tra riêng của Ngành.

Như vậy, tổng trọng tải của các tàu điều tra hải dương (từ sinh học đến vật lý, địa chất, địa chấn,...) chuyên trách của nước ta, cho đến nay là rất nhỏ trừ tàu phục vụ điều tra dầu khí, thuộc chuyên ngành đặc biệt phục vụ trực tiếp và khẩn trương cho sản xuất.

Trong khi đó tổng trọng tải tàu biển của nước ta chưa quá 1 triệu tấn, thuộc loại thấp nhất của các nước ven biển của thế giới và Đông Nam Á. Thật là một điều phi lý đối với một nước bán đảo, có vùng biển quan trọng cả về thiên nhiên, kinh tế, đời sống và bảo vệ đất nước. Chỉ nói riêng về khai thác dầu khí từ biển, nước ta đã sắp khai thác được 50 triệu tấn dầu!

Về lâu dài chắc chắn ta phải có tàu (đội tàu) điều tra hải dương tương xứng. Vấn đề là chọn các bước đi cho thích hợp. Nên có cỡ tàu nào vào những năm trước mắt và các bước tiếp theo nên tính thế nào cho phù hợp với tiềm lực và nhu cầu về một đội tàu chuyên trách điều tra hải dương của Việt Nam.

Rõ ràng là do nhiều nguyên nhân nên đến nay đặt vấn đề nghiêm túc: có tàu chuyên điều tra hải dương là chậm. Song vẫn có tính thời sự, phù hợp với chủ trương chung của nước ta là đẩy mạnh kinh tế, khoa học kỹ thuật biển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Chúng ta rất mừng là Tổng cục Khí tượng Thủy văn đã đóng góp thiết thực vào sự nghiệp đó bằng việc đóng tàu điều tra hải dương cỡ 1000 tấn ...trong năm 1997 và ra khơi trong năm 1998 này- " Năm quốc tế về đại dương".

II. Thiết nghĩ cần tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài, đặc biệt những kinh nghiệm của những nước đã có bề dày điều tra biển, và những nước có điều tra thiên nhiên và qui mô khá gần với chúng ta.

Trong bảng 1 cho biết trọng lượng các tàu chuyên làm thủy đạc (hydrography), trong bảng 2 cho biết các loại tàu điều tra hải dương của một số nước gần ta, theo tài liệu gần đây.

Như vậy có thể thấy một số điểm cơ bản sau:

- Các nước lớn hoặc có tiềm lực lớn đều có một đội tàu điều tra với các cỡ khác nhau, kể cả những tàu cỡ dưới 1000T hoặc dưới 500T, thậm chí nhỏ hơn nhiều.

- Các nước có tiềm lực vừa phải hoặc không lớn, ngoài các tàu cỡ nhỏ, cũng vẫn có những tàu điều tra cỡ trên 1000T.

- Thông thường tàu điều tra thường hoạt động có chuyên nhưng cũng đa dạng, kết hợp nhiều mặt, tuy do 1 cơ quan chủ quản.

Bảng 1. Tàu thủy đặc, theo tài liệu 1988 [1]

TT	Nước	Tổng trọng tải (tấn)	Cỡ tàu (lượng rẽ nước)			
			≥9000T	3000-9000	500-2900	<500
1	Mỹ	30.638.887	2	5	16	3
2	Liên Xô	31.800.000	6	15	68	
3	Trung Quốc	11.844.800				
4	Hàn Quốc	6.599.815				
5	Indônêxia	2.990.042				
6	Ô xtrâylia	2.174.363				
7	Xingapo	6.202.292				

Bảng 2. Tàu điều tra hải dương [5,2]

TT	Nước	Tổng số tàu	Cỡ tàu (lượng rẽ nước)				Chú thích
			>9000T	3000-9000T	500-2900T	<500T	
1	Trung Quốc (1992)	37	3	4	12	18	Thuộc Cục Hải dương Bờ biển dài 18000km - Điều tra nhiều mặt
	Trong đó Biển Đông max : 13650T	9	1	1	4	3	
2	Nhật (1982)	29			29 (900-1305)		- Về KT:24 - Vật VLB:24 -SV biển:19 - ĐCbiển:4 trong đó có 9 tàu thuộc Sở khí tượng

III. Vận dụng vào điều kiện Việt Nam một nước bán đảo bên bờ biển Đông và Thái Bình Dương với những điều kiện thiên nhiên đặc thù (gió mùa, bão, nhiều đảo, quần đảo gần hoặc xa bờ, tài nguyên đa dạng và phong phú, triều đáng kể và đa dạng, độc đáo...) có thể sơ bộ rút ra một số kết luận như sau:

1. Không kể đội tàu chuyên vận tải biển hoặc chuyên phục vụ hoạt động dầu khí và phòng thủ bờ biển về lâu dài, cần hình thành một đội tàu chuyên điều tra hải dương gồm:

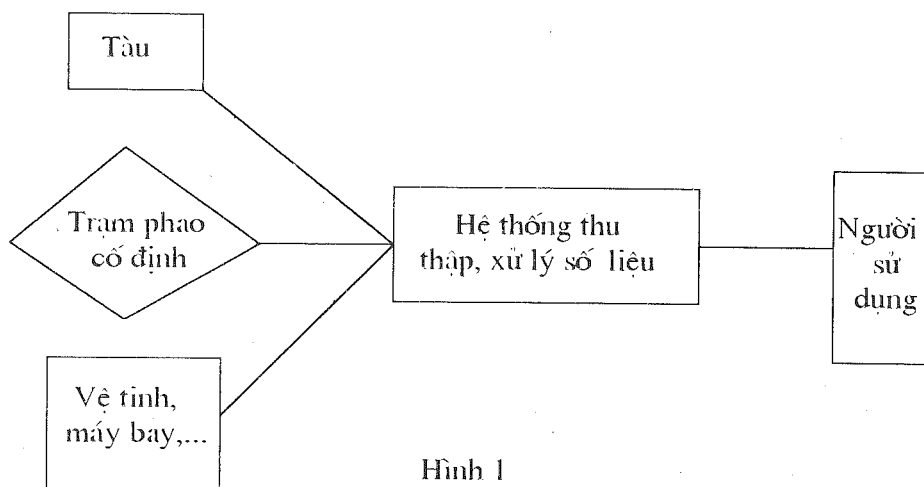
a) Tàu cỡ nhỏ (trên dưới 50 -100T) hoạt động ven bờ là chủ yếu.

b) Tàu cỡ vừa (từ vài trăm tấn đến trên 1000T, hoạt động cả ở ven bờ và cả ở vùng khơi, tới xa bờ trên 1000 hải lý.

Số lượng mỗi cỡ tàu và tổng số tàu được cân nhắc theo khả năng tài chính và khả năng quản lý, nhưng chắc chắn phải được phát triển mạnh trong 5 -15 năm tới.

c) Tàu cỡ lớn, từ 2000T trở lên, cần cân nhắc thêm trong mấy năm trước mắt. Tàu cỡ rất lớn (khoảng 4000T trở lên) có thể đặt ra trong tương lai xa.

2. Trong thời đại mới, không chỉ riêng đơn thuần tàu khảo sát hoặc đội tàu khảo sát mà phải kết hợp với các phương tiện khác (Hình 1).



Tàu điều tra có thể tiến hành tại nhiều điểm nhưng chỉ thực hiện trong một thời gian nhất định, trong khi đó trạm hoặc phao cố định lại có thể đo đạc dài ngày, nhiều năm tại một vị trí cố định và các vệ tinh hoặc máy bay lại có thể đo nhanh trong một không gian rộng lớn trong thời gian tương đối ngắn.

3. Tàu điều tra hải dương thường có yêu cầu trọng điểm trong một chuyến khảo sát nhưng để thuận tiện và tận dụng tối ưu phương tiện này thường phải kết hợp đo thêm các yếu tố khác. Mỗi tàu do một ngành chuyên trách quản lý nhưng khi sử dụng thường là liên ngành.

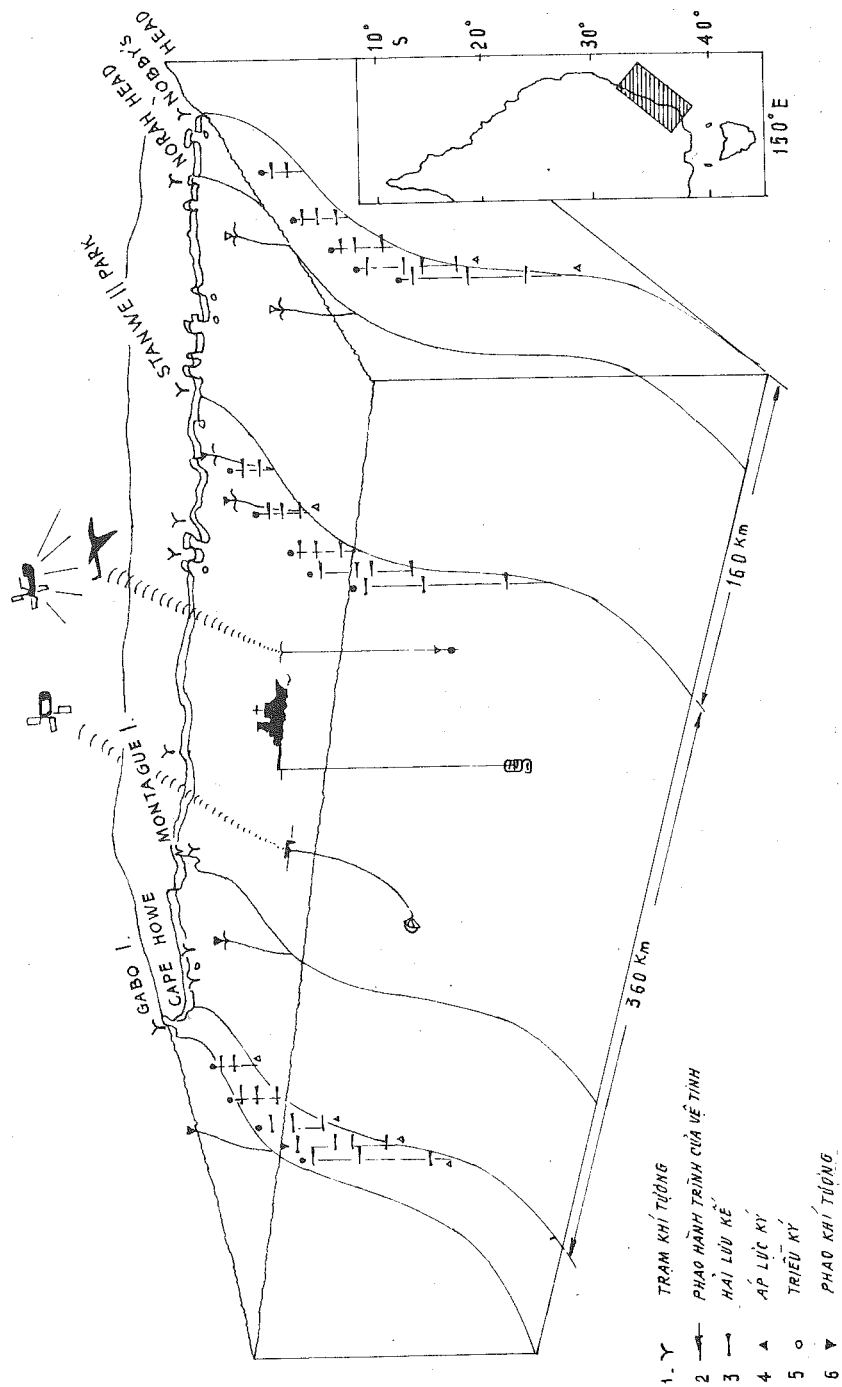
Tàu điều tra hải dương do Tổng cục Khí tượng Thủy văn quản lý chắc chắn đảm nhiệm phần điều tra khí tượng hải dương và ô nhiễm biển là chính, ngoài ra có thể kiêm nhiệm các điều tra về vật lý địa cầu, sinh vật biển, thủy đặc... Có thể tiến hành điều tra theo mùa, theo tuyến cố định trong nhiều năm, kết hợp với các điều tra đột xuất theo đề tài trong nước hoặc hợp tác quốc tế trong ASEAN, WMO,...

Cơ chế quản lý cần được xây dựng từng bước và cải tiến quản lý theo điều kiện thực tế, không thể cầu toàn.

Có thể hình dung về mô hình chuyên trách quản lý tàu và sử dụng đa dạng theo kinh nghiệm của Nhật hoặc theo mô hình điều tra phức hợp của Thực nghiệm khảo sát dải ven biển của Ô xtrâyliya [6] (Hình 2).

Tài liệu tham khảo

1. Yearbook 1988- Int. Hydr. Bureau, Monaco
2. Thông tin số liệu hải dương của Trung tâm tư liệu quốc tế B- Ôpinhinsk, 1982
3. Viện khoa học biển Ôxtrâyliya, 1991-1995
4. Kế hoạch SMISO 1989-1995
5. Sách ảnh giới thiệu Cục hải dương Trung Quốc, 1993
6. Physical oceanographic studies on Australia's Continental Shelves by John. A.Church, 1989.



Hình 2. Sơ đồ thực nghiệm khảo sát dải ven biển Ôxtrâyli-a (9 - 1983)